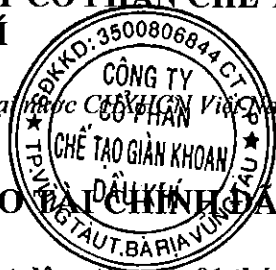


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN  
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại Việt Nam)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Tử Giang	Thành viên
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

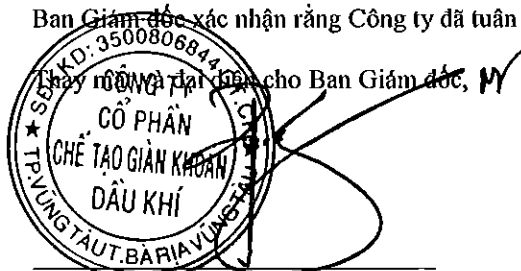
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị cho Ban Giám đốc, *NY*



Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 7 năm 2014

Số: 084 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 7 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính"). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 11 tháng 7 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
Đặng Thị Lợi  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1529-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.075.729.955.957</b>	<b>928.561.331.650</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>743.945.530.627</b>	<b>766.437.653.703</b>
1. Tiền	111		693.945.530.627	416.437.653.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	350.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>209.568.522.877</b>	<b>131.503.276.742</b>
1. Phải thu khách hàng	131	5	46.983.647.238	65.774.695.500
2. Trả trước cho người bán	132		122.553.156.363	10.492.477.918
3. Các khoản phải thu khác	135	6	40.031.719.276	55.236.103.324
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>101.612.425.455</b>	<b>22.083.725.267</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	101.612.425.455	22.083.725.267
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.603.476.998</b>	<b>8.536.675.938</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.947.304.713	2.130.564.692
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.003.904.461	178.123.270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	2.682.742.729	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.969.525.095	6.227.987.976
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)</b>	<b>200</b>		<b>890.680.176.926</b>	<b>950.537.151.063</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>744.401.165.543</b>	<b>801.339.444.069</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	721.414.007.802	791.955.282.495
- Nguyên giá	222		1.245.188.346.115	1.244.096.834.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(523.774.338.313)	(452.141.552.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	7.548.915.213	5.692.882.799
- Nguyên giá	228		40.995.298.145	35.269.773.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.446.382.932)	(29.576.890.346)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	15.438.242.528	3.691.278.775
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>146.279.011.383</b>	<b>149.197.706.994</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	138.001.851.301	140.920.546.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.277.160.082	8.277.160.082
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.966.410.132.883</b>	<b>1.879.098.482.713</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU SỐ B 01-DN


Đơn vị: VND

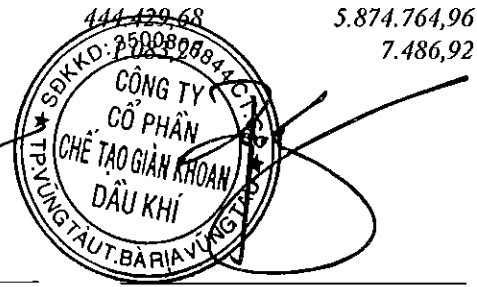
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.570.664.866.746</b>	<b>1.470.877.287.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>993.472.417.649</b>	<b>811.228.838.531</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	259.652.136.000	164.912.000.000
2. Phải trả người bán	312		40.932.125.351	83.715.817.781
3. Người mua trả tiền trước	313	15	421.501.405.919	491.829.894.134
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.232.764.027	381.942.127
5. Phải trả người lao động	315		8.649.391.174	7.822.477.309
6. Chi phí phải trả	316	17	52.205.011.787	32.259.449.224
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	18	179.130.569.321	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	26.905.444.474	26.870.198.360
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.263.569.596	3.437.059.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>577.192.449.097</b>	<b>659.648.449.097</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	577.192.449.097	659.648.449.097
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>395.745.266.137</b>	<b>408.221.195.085</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>392.846.499.421</b>	<b>401.578.584.390</b>
1. Vốn điều lệ	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lỗ lũy kế	420		(204.649.092.042)	(195.917.007.073)
<b>II. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>2.898.766.716</b>	<b>6.642.610.695</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		2.898.766.716	6.642.610.695
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.966.410.132.883</b>	<b>1.879.098.482.713</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	444.429,68	5.874.764,96
Đồng Euro	250.080,58	7.486,92

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 7 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

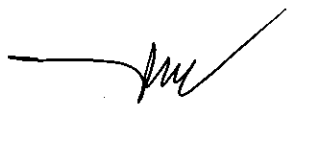
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 02-DN

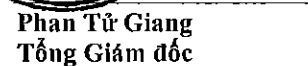
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		333.234.715.631	1.272.086.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ	02		1.654.801.189	-
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	23	331.579.914.442	1.272.086.038
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	291.442.260.630	735.127.442
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40.137.653.812	536.958.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.214.864.940	8.167.772.096
7. Chi phí tài chính	22	27	32.671.724.951	42.254.063.700
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.714.656.273	42.174.665.019
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.176.375.123	14.951.966.853
9. Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		2.504.418.678	(48.501.299.861)
10. Thu nhập khác	31		209.810.261	558.313.262
11. Chi phí khác	32		11.446.313.908	107.945.547.540
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	28	(11.236.503.647)	(107.387.234.278)
13. Lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(8.732.084.969)	(155.888.534.139)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	10.662.149.275
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	-	(164.166.711)
16. Lỗ sau thuế (60=50-51-52)	60		(8.732.084.969)	(166.386.516.703)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(147)	(2.797)

  
 Nguyễn Phương Hường  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng



  
 Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 7 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

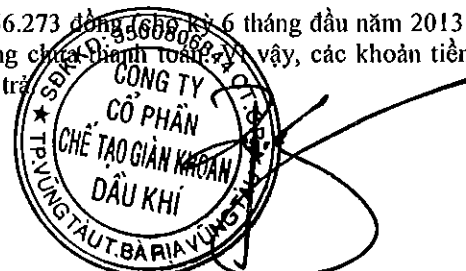
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(8.732.084.969)	(155.888.534.139)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	71.758.434.464	65.834.532.866
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	584.588.106	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.220.338.723)	(7.535.959.303)
Chi phí lãi vay	06	31.714.656.273	42.174.665.019
3. <i>Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	87.105.255.151	(55.415.295.557)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(85.219.636.137)	279.553.338.586
Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.528.700.188)	1.742.249.811
Thay đổi các khoản phải trả	11	78.053.511.183	(76.007.425.202)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.101.955.590	948.163.226
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.061.800.756)	(66.567.002.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(17.140.796.862)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	474.000.000	3.728.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.023.141.989)	(4.486.137.806)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(25.098.557.146)	66.355.093.676
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(18.563.999.917)	(1.469.003.264)
2. Thu lãi tiền gửi	27	8.803.672.056	6.931.792.636
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(9.760.327.861)	5.462.789.372
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.284.136.000	-
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(224.279.600)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	12.059.856.400	-
<i>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(22.799.028.607)	71.817.883.048
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	766.437.653.703	236.580.775.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	306.905.531	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	70	743.945.530.627	308.398.658.939

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm khoản tiền 31.714.656.273 đồng (31.714.656.273 đồng) kỳ 6 tháng đầu năm 2013; 42.067.470.801 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán, vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

  
Nguyễn Phương Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kế toán trưởng

  
Phan Tử Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 7 năm 2014



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 730 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 725 nhân viên).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

02-  
TH  
Y  
Ư  
TE  
AM  
C

08066  
G TY  
HÂN  
KH  
KHÍ  
RIAV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí bán hàng phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

01  
CH  
C  
ÁCH  
ĐE  
VI  
/

3500  
CÔNG  
CỔ PH  
TẠO GIÀN  
DẦU KH  
T. BARI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	14.028.655.729	6.927.001.142
Tiền gửi ngân hàng	679.916.874.898	409.510.652.561
Các khoản tương đương tiền	<u>50.000.000.000</u>	<u>350.000.000.000</u>
	<u><b>743.945.530.627</b></u>	<u><b>766.437.653.703</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với lãi suất từ 5,5% /năm đến 6,2% /năm.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovet	41.431.028.070	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Semco Việt Nam	-	39.898.247.751
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (*)	356.610.729	16.407.583.214
Khách hàng khác	<u>5.196.008.439</u>	<u>9.468.864.535</u>
	<u><b>46.983.647.238</b></u>	<u><b>65.774.695.500</b></u>

(\*) Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC thuộc Tập đoàn Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PTSC").

**6. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam ("PVI")- Chi nhánh Vũng Tàu (*)	19.617.674.232	49.753.235.033
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (**)	17.262.827.435	-
Phải thu khác	<u>3.151.217.609</u>	<u>5.482.868.291</u>
	<u><b>40.031.719.276</b></u>	<u><b>55.236.103.324</b></u>

(\*) Khoản phải thu Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam ("PVI") - Chi nhánh Vũng Tàu chủ yếu liên quan đến các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc sửa chữa tài sản cố định là cầu bánh xích DEMAG CC6800. Công ty sẽ thu hồi lại khoản chi này từ PVI theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 12/16/01/XDLLD/PC00057 với số tiền bảo hiểm cho tài sản này tối đa là 230.968.860.174 đồng, bằng với nguyên giá của tài sản được bảo hiểm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty và PVI chưa thống nhất số tiền bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ mức miễn trừ được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm (5%). Ngoài ra, PVI sẽ chỉ bồi thường sau khi chấp nhận việc xuất trình các hóa đơn và chứng từ cần thiết chứng minh rằng việc sửa chữa đã được thực hiện, tùy theo từng trường hợp cụ thể. Chi phí ước tính cho việc sửa chữa cầu khoảng 134 tỷ đồng, bao gồm các chi phí giám định tổn thất, chi phí vận chuyển ra nước ngoài sửa chữa, các chi phí nhân công và nguyên vật liệu, trong đó chi phí sửa chữa chính tại nhà máy sản xuất cầu ở nước ngoài là 2.691.761,29 đồng Euro, tương đương 73 tỷ đồng. Trong kỳ, Công ty đã nhận được một phần giá trị khoản bồi thường bảo hiểm từ PVI với số tiền 46 tỷ đồng. Số dư phải thu từ PVI tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa cầu nhưng chưa được xác nhận bồi thường. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền này sẽ được thu hồi trên cơ sở các điều khoản bồi thường của hợp đồng bảo hiểm tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

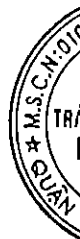
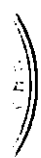
(\*\*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí ("PSI") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	25.560.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	66.641.993.931	16.220.424.565
Công cụ và dụng cụ	7.982.261.979	5.291.045.287
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.428.169.545	572.255.415
	<u>101.612.425.455</u>	<u>22.083.725.267</u>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước thể hiện khoản thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa (Xem Thuyết minh số 16).



844  
Y  
AN  
KH  
KH  
BAP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2014	737.423.602.480	108.622.692.961	377.762.806.033	8.299.917.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.244.096.834.951
Tăng trong kỳ	-	66.000.000	318.922.204	706.588.960	-	-	1.091.511.164
Tại ngày 30/6/2014	737.423.602.480	108.688.692.961	378.081.728.237	9.006.506.057	3.850.699.617	8.137.116.763	1.245.188.346.115
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2014	263.812.982.740	52.495.707.626	119.517.666.045	7.075.804.296	2.485.585.837	6.753.805.912	452.141.552.456
Khấu hao trong kỳ	45.744.350.286	7.818.778.052	16.216.826.388	474.287.523	445.514.604	933.029.004	71.632.785.857
Phân loại lại	-	-	-	-	16.232.639	(16.232.639)	-
Tại ngày 30/6/2014	309.557.333.026	60.314.485.678	135.734.492.433	7.550.091.819	2.947.333.080	7.670.602.277	523.774.338.313
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 30/6/2014	427.866.269.454	48.374.207.283	242.347.235.804	1.456.414.238	903.366.537	466.514.486	721.414.007.802
Tại ngày 31/12/2013	473.610.619.740	56.126.985.335	258.245.139.988	1.224.112.801	1.365.113.780	1.383.310.851	791.955.282.495

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.487.083.107 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.131.958.924 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thảng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
Tăng trong kỳ	325.525.000	-	325.525.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Tại ngày 30/6/2014	<u>17.829.543.935</u>	<u>23.165.754.210</u>	<u>40.995.298.145</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	11.688.633.051	17.888.257.295	29.576.890.346
Khấu hao trong kỳ	571.163.211	3.298.329.375	3.869.492.586
Tại ngày 30/6/2014	<u>12.259.796.262</u>	<u>21.186.586.670</u>	<u>33.446.382.932</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2014	<u>5.569.747.673</u>	<u>1.979.167.540</u>	<u>7.548.915.213</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>415.385.884</u>	<u>5.277.496.915</u>	<u>5.692.882.799</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 27.590.272.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.544.802.150 đồng).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	2013 VND
Tại ngày đầu năm	3.691.278.775	24.044.565.109
Tăng trong kỳ/năm	17.146.963.753	1.862.212.280
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(16.963.457.872)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.400.000.000)	-
Kết chuyển sang chi phí khác	-	(5.252.040.742)
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>15.438.242.528</u>	<u>3.691.278.775</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền thuê đất (*)	130.966.180.813	132.506.959.411
Công cụ dụng cụ	2.578.120.396	3.844.519.402
Khác	4.457.550.092	4.569.068.099
	<u>138.001.851.301</u>	<u>140.920.546.912</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(\*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT -PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ nay và các năm trước:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	351.294.804	-	351.294.804
Ghi nhận vào (lỗ)/lãi trong năm	(274.568.421)	8.200.433.699	7.925.865.278
Tại ngày 31/12/2013 và 30/6/2014	<u>76.726.383</u>	<u>8.200.433.699</u>	<u>8.277.160.082</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 179.939.912.926 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.860.577.202 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

- Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 82.004.336.994 đồng với mức thuế suất 10% vì Công ty tin tưởng khả năng có lợi nhuận trong tương lai để có thể khấu trừ cho khoản lỗ này. Khoản lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 và nâng cấp giàn Tam Đảo 02 đã ký kết với Vietsovpetro vào ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế còn lại là 97.935.575.932 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (Xem Thuyết minh số 20)	247.368.000.000	164.912.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	12.284.136.000	-
	<u>259.652.136.000</u>	<u>164.912.000.000</u>

(\*) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương với số tiền 576.720 Đô la Mỹ. Thời hạn vay từ ngày 27 tháng 6 năm 2014 đến ngày 27 tháng 12 năm 2014 với lãi suất là 3%/năm.

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro ("Vietsovpetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyard ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 và Hợp đồng số 0884/13/T-N4/KB-PVShipyard ngày 29 tháng 11 năm 2013 nâng cấp giàn khoan Tam Đảo 02 được ký kết giữa Công ty và Vietsovpetro. Khoản tạm ứng này được cần trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovpetro chưa được cần trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	-	301.270.523
Thuế khác	1.232.764.027	80.671.604
	<u>1.232.764.027</u>	<u>381.942.127</u>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	32.262.151.308	32.572.798.348	(310.647.040)
Thuế nhập khẩu	-	180.553.166	2.204.263.919	(2.023.710.753)
Thuế thu nhập cá nhân	301.270.523	2.466.047.162	3.115.702.621	(348.384.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Các loại thuế khác	80.671.604	3.956.436.593	2.804.344.170	1.232.764.027
<b>Tổng</b>	<u>381.942.127</u>	<u>38.865.188.229</u>	<u>40.697.109.058</u>	<u>(1.449.978.702)</u>
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-			2.682.742.729
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	381.942.127			1.232.764.027

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	31.714.656.273	23.061.800.756
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3)	7.018.078.517	7.018.078.517
Chi phí dự án Tam Đảo 05	1.804.343.474	-
Chi phí dự án Naga 3	5.605.000.000	-
Chi phí dự án Living quarter	4.283.300.000	-
Chi phí khác	1.779.633.523	2.179.569.951
	<u>52.205.011.787</u>	<u>32.259.449.224</u>

**18. PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng thể hiện khoản chênh lệch giữa khoản tiền Vietsovpetro đã thanh toán cho dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 theo tiến độ thanh toán quy định trong hợp đồng số 0884/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành cho dự án tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức	21.621.849.900	21.846.129.500
Kinh phí công đoàn	408.707.475	512.473.022
Phải trả khác	4.874.887.099	4.511.595.838
	<u><u>26.905.444.474</u></u>	<u><u>26.870.198.360</u></u>

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVFC đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VietcomBank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	247.368.000.000	164.912.000.000
Trong năm thứ hai	164.912.000.000	164.912.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	412.280.449.097	494.736.449.097
Sau năm năm	-	-
	<u><u>824.560.449.097</u></u>	<u><u>824.560.449.097</u></u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại Thuyết minh số 14)	<u>(247.368.000.000)</u>	<u>(164.912.000.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><u>577.192.449.097</u></u>	<u><u>659.648.449.097</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thăng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	594.897.870.000	2.597.721.463	43.861.904.638	641.357.496.101
Lỗ trong năm	-	-	(209.135.193.633)	(209.135.193.633)
Chia cổ tức	-	-	(29.744.893.500)	(29.744.893.500)
Trích quỹ	-	-	(898.824.578)	(898.824.578)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(195.917.007.073)</u>	<u>401.578.584.390</u>
Lỗ trong kỳ	-	-	(8.732.084.969)	(8.732.084.969)
Số dư tại ngày 30/6/2014	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(204.649.092.042)</u>	<u>392.846.499.421</u>

Theo Nghị quyết số 026/13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013, Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 594.897.870.000 đồng lên 892.346.800.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa tiến hành các thủ tục để tăng vốn.

**Cổ phần**

	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 và 31/12/2013		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PTSC")	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00	29.143.587	291.435.870.000
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>	<u>594.897.870.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**23. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Hợp đồng xây dựng	247.082.224.188	-
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	79.163.775.132	-
Dịch vụ khác	6.988.716.311	1.272.086.038
	<u>333.234.715.631</u>	<u>1.272.086.038</u>
Giảm trừ doanh thu - Giảm giá dịch vụ cung cấp	(1.654.801.189)	-
	<u><u>331.579.914.442</u></u>	<u><u>1.272.086.038</u></u>

**24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Hợp đồng xây dựng	228.779.837.211	-
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	57.678.862.401	-
Dịch vụ khác	4.983.561.018	735.127.442
	<u>291.442.260.630</u>	<u>735.127.442</u>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.081.063.582	2.565.601.285
Chi phí nhân công	83.152.213.132	38.903.207.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.758.434.464	65.834.532.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.412.168.158	9.350.456.517
Chi phí khác	7.557.585.766	5.381.376.455
	<u>316.961.465.102</u>	<u>122.035.175.062</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	8.220.338.723	7.535.959.303
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	994.526.217	631.812.793
	<u>9.214.864.940</u>	<u>8.167.772.096</u>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền vay	31.714.656.273	42.174.665.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	372.480.572	79.398.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	584.588.106	-
	<u>32.671.724.951</u>	<u>42.254.063.700</u>

**28. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu nhập khác	209.810.261	558.313.262
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.923.125.067
Chi phí nhân công	-	32.370.061.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.698.962.004	65.481.539.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.593.282.740
Khác	3.747.351.904	2.577.538.165
Chi phí khác	11.446.313.908	107.945.547.540
Lỗ từ hoạt động khác	<u>(11.236.503.647)</u>	<u>(107.387.234.278)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lỗ trước thuế	(8.732.084.969)	(155.888.534.139)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	12.959.654.776	8.271.751.763
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(306.905.531)	(3.283.194.017)
Lợi nhuận/(lỗ) chịu thuế	<u>3.920.664.276</u>	<u>(150.899.976.393)</u>
Chuyển lỗ năm trước	<u>(3.920.664.276)</u>	-
Lỗ tính thuế	-	<u>(150.899.976.393)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2012	-	10.662.149.275
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>10.662.149.275</u></b>

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không trích thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập (tính thuế).

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.732.084.969)	(166.386.516.703)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(147)</u></b>	<b><u>(2.797)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, vốn khác và lỗ lũy kế).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	836.844.585.097	824.560.449.097
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	743.945.530.627	766.437.653.703
Nợ thuần	92.899.054.470	58.122.795.394
Vốn chủ sở hữu	<u>392.846.499.421</u>	<u>401.578.584.390</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,24</u>	<u>0,14</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	743.945.530.627	766.437.653.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.015.366.514	121.010.798.824
Ký quỹ	6.021.820.479	2.646.168.490
<b>Tổng cộng</b>	<u>836.982.717.620</u>	<u>890.094.621.017</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.109.192.782	109.824.210.616
Các khoản vay	1.054.650.999.739	1.137.110.119.752
Chi phí phải trả	52.205.011.787	32.259.449.224
<b>Tổng cộng</b>	<u>1.173.965.204.308</u>	<u>1.279.193.779.592</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	48.015.400.201	131.001.541.592	23.532.403.494	2.060.632.841
Đồng Euro (EUR)	31.323.164	213.145.724	1.572.649.944	45.979.180.390

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối kỳ/năm. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lỗ trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm tương ứng là 458.833.399 đồng (năm 2013: 1.663.497.482 đồng).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank") do lãi vay phát sinh trong kỳ của Công ty chủ yếu từ các khoản vay dài hạn của Pvcombank với mức lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau của Vietcombank cộng phí ủy thác 0,15%/năm.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên vật liệu, thiết bị từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoàn cải các loại giàn khoan. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, vật tư. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về giá ở mức thấp vì đây là những nguyên vật liệu, thiết bị đặc thù trong ngành dầu khí nên không có sự biến động nhiều về giá.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1-5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>30/6/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	743.945.530.627	-	743.945.530.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.015.366.514	-	87.015.366.514
Ký quỹ	6.021.820.479	-	6.021.820.479
<b>Tổng cộng</b>	<b>836.982.717.620</b>	<b>-</b>	<b>836.982.717.620</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	67.109.192.782	-	67.109.192.782
Các khoản vay và lãi	278.760.050.040	775.890.949.699	1.054.650.999.739
Chi phí phải trả	52.205.011.787	-	52.205.011.787
<b>Tổng cộng</b>	<b>398.074.254.609</b>	<b>775.890.949.699</b>	<b>1.173.965.204.308</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>438.908.463.011</b>	<b>(775.890.949.699)</b>	<b>(336.982.486.688)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	766.437.653.703	-	766.437.653.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.010.798.824	-	121.010.798.824
Ký quỹ	2.646.168.490	-	2.646.168.490
<b>Tổng cộng</b>	<b>890.094.621.017</b>	<b>-</b>	<b>890.094.621.017</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	109.824.210.616	-	109.824.210.616
Các khoản vay và lãi	179.795.308.000	957.314.811.752	1.137.110.119.752
Chi phí phải trả	32.259.449.224	-	32.259.449.224
<b>Tổng cộng</b>	<b>321.878.967.840</b>	<b>957.314.811.752</b>	<b>1.279.193.779.592</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>568.215.653.177</b>	<b>(957.314.811.752)</b>	<b>(389.099.158.575)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2018 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản thuận ở mức độ trung bình.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**


Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:


Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương và thưởng	<u>2.500.103.746</u>	<u>1.292.715.750</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư các khoản phải trả cổ tức		
Tập đoàn Công Nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.239.628.500	2.239.628.500
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	<u>1.080.650.000</u>	<u>1.080.650.000</u>

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng



Phan Tử Giang  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 7 năm 2014

